

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.*Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau.***Câu 1:** 喜讯传来, 人们顿时欢呼起来。

- A. 有时 B. 立刻 C. 赶快 D. 按时

Câu 2: 现在正是下班时间, 路上车多, 回去时慢点儿。

- A. 路上堵车 B. 小心注意 C. 很费时间 D. 放慢脚步

Câu 3: 说到婚姻大事, 我想是不能脱离实际的。

- A. 社会 B. 家庭 C. 现实 D. 情况

Câu 4: 越南北部地处热带地区, 一年四季分明。

- A. 四个季节分得很清楚 B. 四个季节都没有阳光
C. 四个季节天气晴朗 D. 四个季节分不清楚

Câu 5: 按照学校的规定, 自行车是不能放在教室里的。

- A. 照办 B. 据说 C. 照样 D. 根据

Câu 6: 辣椒本身含有对人体有益的成分。

- A. 有利 B. 便利 C. 不利 D. 顺利

Câu 7: 保障儿童受教育的权利是我们社会的责任。

- A. 保卫 B. 保证 C. 担保 D. 保存

Câu 8: 目前这种产品国内厂家也能生产。

- A. 过去 B. 以前 C. 以后 D. 现在

Câu 9: 这是一家效益相当好的大公司。

- A. 当然 B. 逐渐 C. 非常 D. 持续

Câu 10: 饭菜很可口, 但是价钱难以接受。

- A. 油腻 B. 好吃 C. 昂贵 D. 干净

Câu 11: 我是了解赵老师的, 他向来如此。

- A. 原来 B. 过去 C. 近来 D. 从来

Câu 12: 星期天是我朋友的好日子, 她已经邀请我去喝喜酒了。

- A. 忌日 B. 纪念日 C. 结婚日 D. 生日

Câu 13: 我们外语班的同学多半是女生。

- A. 大概 B. 超过半数 C. 很有可能 D. 全部

*Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau.***Câu 14:** 有色玻璃是一种能控制太阳光的智能玻璃。

- A. 量词 B. 动词 C. 形容词 D. 名词

Câu 15: 我已经检查了好几遍了，绝对不会有问题。

- A. 副词 B. 形容词 C. 动词 D. 助词

Câu 16: 中国潍坊是制作风筝和放飞风筝最早的地方。

- A. 名词 B. 形容词 C. 副词 D. 动词

Câu 17: 资金短缺给我们新公司的起步带来了很多困难。

- A. 助词 B. 动词 C. 副词 D. 介词

Câu 18: 人家小丽对同学可好了，咱这班上上下下没一个不夸她的。

- A. 代词 B. 连词 C. 量词 D. 名词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

Câu 19: 电子计算机的问世_____本改变了人们的生活方式。

- A. 恨 B. 根 C. 跟 D. 很

Câu 20: 我只知道他会说_____语，其实他还会说日语。

- A. 央 B. 吏 C. 映 D. 英

Câu 21: 水灾后我们灾区人民得到了全国同_____的帮助，我特此向大家表示衷心的感谢。

- A. 炮 B. 胞 C. 包 D. 抱

Câu 22: 这篇文章写得很通俗，_____易看。

- A. 谷 B. 容 C. 蓉 D. 榕

Câu 23: 鲁迅是中国现代史上最_____大的文学家之一。

- A. 围 B. 违 C. 韦 D. 伟

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống, từ câu 24 đến câu 33.

一天，我在准备删除垃圾邮件时，发现有一个邮件的主题为：“经理，请你给我一个机会吧！”我觉得好笑，我怎么（24）_____了经理。打开这个邮件正文，内容是一个工作受挫的青年给老总的信。信中他说，由于自己（25）_____参加工作，业务不熟，出了差错，公司准备辞退他。他鼓足勇气向老总自荐，请求留用。

他的执著深深地打动了我的心。于是我红着脸以经理的口气给他回了邮件：“我相信你会很优秀的，年轻人，继续（26）_____吧，你会成功的。经理期待着你作出很大的成绩！”

大概半年后我又收到他的一份邮件：“你好，或许你早已（27）_____了那个错把邮件发给你的青年。半年（28）_____由于工作上的失误，我给公司造成了不小的损失。（29）_____公司能否继续留用我，我心中没有底。那晚我鼓足勇气给经理发了一份邮件，恳求他给我一个继续工作的机会。第二天，我的一个创意被公司采用，公司决定留用我，我（30）_____是经理看到邮件后给我的肯定。（31）_____半年的努力，现在我已坐到经理助理的位置。有一次和经理谈起我（32）_____发过的那份邮件，才发现我阴差阳错地发给了你。我非常感谢你，是你给了我成功的（33）_____。”

我被感动了。没想到我的不多的文字，像台阶一样垫起了一个陌生心灵成功的高度。

（据2004年9月02日《福州日报》）

Câu 24: A. 变成 B. 构成 C. 组成 D. 形成

Câu 25: A. 就是 B. 刚才 C. 刚 D. 已

Câu 26: A. 遗憾 B. 满意 C. 失望 D. 努力

Câu 27: A. 忘记 B. 记得 C. 丢失 D. 失去

Câu 28: A. 左右 B. 前 C. 上下 D. 后

Câu 29: A. 时候 B. 这时 C. 那时 D. 时刻

- Câu 30:** A. 以为 B. 思考 C. 感觉 D. 考虑
Câu 31: A. 渡过 B. 经过 C. 跨过 D. 越过
Câu 32: A. 未曾 B. 仍然 C. 曾经 D. 依然
Câu 33: A. 相信 B. 信任 C. 信用 D. 信心

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau.

- Câu 34:** Phiên âm đúng của từ 手工 là: _____.
A. shòugòng B. shǒugōng C. shòugōng D. shǒugòng
Câu 35: Phiên âm đúng của từ 温暖 là: wēnn _____.
A. ěi B. ǎng C. iǎo D. uǎn
Câu 36: Phiên âm đúng của từ 效率 là: _____.
A. xiāolǜ B. xiáolǜ C. xiǎolǜ D. xiàolǜ
Câu 37: Phiên âm đúng của từ 年纪 là: n_____jì.
A. án B. ián C. áng D. íng
Câu 38: Phiên âm đúng của từ 保持 là: bǎo_____í.
A. ch B. z C. c D. zh
Câu 39: Phiên âm đúng của từ 班长 là: _____ānzhǎng.
A. f B. d C. p D. b

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc.

- Câu 40:** A 坚持 B 学习几个月, 一年两年, 三年五年, C 可以 D 学会的。 (总)
Câu 41: A 香港 B 是 C 世界 D 著名的购物天堂, 而且还是东西方文化交汇融合之地。 (不但)
Câu 42: 阮校长 A 一年之内 B 参加 C 过 D 国际性专业会议。 (三次)
Câu 43: 你 A 不要担心, 事情 B 会 C 得到解决的 D。 (早晚)
Câu 44: 我 A 不愿意 B 说我心里 C 不愿意 D 说的话。 (可)
Câu 45: 你 A 把 B 这件事情发生的经过 C 告诉 D 他。 (应该)
Câu 46: 刚才 A 来 B 这儿上网 C 客人是我 D 同事。 (的)
Câu 47: 他 A 给我 B 打电话的时候, C 我 D 陪妈妈在医院做检查呢。 (正)
Câu 48: A 接待室 B 找你, 她 C 在那里 D 等半天了。 (有一位客人)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 49 đến câu 53.

21 世纪, 一些科学家早已将每一个学校的教室都改装了一遍, 让同学们在高科技的怀抱中学习。进入门口, 一眼便看到一块有许多电子按钮的“电子黑板”, 如果你按了“写字”按钮, 它就会出现一台录音机, 你只要把你写的内容对着它说, 它就会有顺序地印在黑板上。当你想将这些字擦掉时, 只要按一个按钮就可以将字全部擦干净。

转过身时, 你就会发现“电子讲台”和“电子课桌”里面都存着教科书和作业本。当你要取时, 只要打开课桌上的一个小门, 就会出现许多写有科目名的按钮, 当你要选定一个科目时, 那个科目的书和作业本就会一起出现, 你一按, 书就会到你手上, 你要接住!

教室里的椅子的最大优点就是可以让学生们不近视。你一坐错了姿势就会有拳头伸出来打你, 让你下次再也不敢了!

未来教室的建筑材料都是具有一轻、二薄、三牢固特点的高科技产品。整个教室可以拆开随身携带, 到了目的地再装好, 既可以当教室又可以当玩具, 真是一举两得。

教室的设计可不一般，有防盗功能，门里有一台微型电脑，它可以通过指纹判断你是不是教室的主人。还有一种功能，如果你按时到学校，门上会出现“欢迎你”一行字，如果你来晚了，门上就会出现“你迟到了，下次请注意”字样。教室前后备有不但采光好，还能制造新鲜空气的窗户。

(据2014年3月21日《学生作文网》)

Câu 49: 21 世纪的学校有什么变化?

- A. 教室里都装有高科技设备
- B. 课程都由科学家来设计
- C. 学生抱着高科技设备学习
- D. 教室都由科学家亲手装修

Câu 50: 一进入教室，你首先看到的是什么?

- A. 一台电子录音机
- B. 许多电子按钮
- C. 印在黑板上的字
- D. 一块电子黑板

Câu 51: 教科书和作业本存放在什么地方?

- A. 学生座位和“电子课桌”前面
- B. “电子课桌”和椅子上面
- C. “电子讲台”和“电子课桌”里面
- D. 学生座位和“电子讲台”后面

Câu 52: 未来教室建筑材料的特点是:

- A. 轻、薄、牢固
- B. 轻、硬、牢固
- C. 重、厚、牢固
- D. 重、硬、牢固

Câu 53: 如果你来晚了，教室门上会出现什么字样?

- A. 你迟到了，下次请注意
- B. 欢迎你，你是教室的主人
- C. 同学，你已经来晚了
- D. 欢迎你，你已经迟到了

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau.

Câu 54: 这种做法，_____不能解决问题，_____会影响同事之间的团结。

- A. 既然……就……
- B. 虽然……不过……
- C. 不但……反而……
- D. 固然……可是……

Câu 55: 今天去还是明天去，随便_____一天去都可以。

- A. 怎么
- B. 什么
- C. 哪
- D. 哪儿

Câu 56: 妈妈让小明把多找的钱_____。

- A. 给商店送回去
- B. 给商店回去送
- C. 送回商店给去
- D. 送给商店回去

Câu 57: 这个人很_____，有什么事都可以放心地让他去做。

- A. 可笑
- B. 可爱
- C. 可怕
- D. 可靠

Câu 58: 我_____喜欢老胡的小说，也喜欢他的散文。

- A. 于是
- B. 要不
- C. 不仅
- D. 所以

Câu 59: 她在饮食_____非常讲究，街边的小饭馆她从来都看不上。

- A. 之上
- B. 里
- C. 上
- D. 当中

Câu 60: 你为什么_____看见她_____走? 你们之间发生了什么事?

- A. 一……就……
- B. 一边……一边……
- C. 越……越……
- D. 先……再……

Câu 61: 父母为了孩子而_____放弃自己的幸福，甚至人生，然而又有多少子女能体会到父母的这份苦心呢!

- A. 宁愿
- B. 就是
- C. 哪怕
- D. 尽管

Câu 62: 同学们，请你们把写错的字改_____。

- A. 起来
- B. 过来
- C. 上来
- D. 出来

Câu 63: 你_____有时间的话，咱们去孤儿院看看他们。

- A. 即使
- B. 不管
- C. 要是
- D. 要不是

- Câu 64:** _____老人家没听清楚你的话, _____非骂你一顿不可。
 A. 不是……而是…… B. 不仅……而且……
 C. 虽……却…… D. 幸亏……不然……
- Câu 65:** 他们以宣传与促销相结合 _____方法向市场推广这种新产品, 效果很好。
 A. 了 B. 着 C. 的 D. 地
- Câu 66:** 刘红昨晚发高烧, 今天得去医院看病, _____不能来上课。
 A. 因此 B. 万一 C. 为了 D. 但是
- Câu 67:** 张晓丽的贺岁影片向来 _____轻松幽默 _____风格。
 A. 把……当作…… B. 拿……比作…… C. 以……为…… D. 为……所……
- Câu 68:** 我的汉语水平没有他 _____好。
 A. 什么 B. 怎么 C. 那么 D. 多么
- Câu 69:** 下星期你回家乡探亲时, 请代我 _____你父母问好。
 A. 把 B. 朝 C. 向 D. 跟
- Câu 70:** 这几天天气很热, 极难入睡, 昨天晚上我 _____。
 A. 三个小时只睡觉了 B. 只三个小时睡了觉
 C. 只睡了三个小时觉 D. 只睡觉了三个小时
- Câu 71:** 一年不见, 姐姐的女儿已经 _____我肩头这么高了。
 A. 等于 B. 比 C. 有 D. 达到
- Câu 72:** _____患有心脏病, 老李不能从事紧张激烈的脑力和体力活动。
 A. 由于 B. 对于 C. 关于 D. 由
- Câu 73:** 这 _____电影的女主角是我中学同学。
 A. 片 B. 家 C. 篇 D. 部
- Câu 74:** 我觉得有点儿冷, 去买一 _____新毛衣, 很快就回来。
 A. 条 B. 件 C. 张 D. 身
- Câu 75:** 近日的浓雾天气是高空冷暖空气交锋的结果, _____今天已明显好转, 但不排除今后几日再发生的可能。
 A. 要是 B. 要么 C. 无论 D. 虽然
- Câu 76:** 丁兰这次考试 _____考得不好, _____她天天打工不上课。
 A. 之所以……是因为…… B. 由于……就……
 C. 因为……所以…… D. 不论……都……
- Câu 77:** 只要提出 _____的理由, 学校可以同意你的建议。
 A. 正好 B. 正当 C. 正常 D. 端正
- Câu 78:** 张老师的办公桌上放着 _____。
 A. 好几本汉语厚厚的词典 B. 几本好厚厚的汉语词典
 C. 汉语厚厚的好几本词典 D. 好几本厚厚的汉语词典
- Câu 79:** 见过小周和小杨的人, 没有人不说他们是一 _____好夫妻。
 A. 双 B. 对 C. 家 D. 个
- Câu 80:** 我们公司经理就在那边, 你去跟他 _____吧。
 A. 谈谈了 B. 谈了 C. 谈了谈 D. 谈一谈

----- HẾT -----